

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HẢI HẬU
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 06/2018/DS-ST

Ngày 01-3-2018

V/v: “Kiện đòi lại tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU, TỈNH NAM ĐỊNH**

- TH1nh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lại Văn Tùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Tiến Sử

2. Bà Trần Thị Phụng

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Thắm - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hải Hậu.

Ngày 01 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hải Hậu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 47/2018/TLST-TCDS ngày 07 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp kiện đòi lại tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2018/QĐXXST-TCDS ngày 18 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Vũ Văn Ph, sinh năm 1962.

Địa chỉ: Tổ dân phố Cao An, thị trấn C, huyện HH, tỉnh Nam Định.

- Bị đơn: Vợ chồng bà Trần Thị H, sinh năm 1974.

và ông Nguyễn Văn H1, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Tổ dân phố Thị Lý, thị trấn C, huyện HH, tỉnh Nam Định.

(Có mặt ông Ph, ông H1, bà H).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 02 tháng 6 năm 2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn ông Vũ Văn Ph trình bày:

Ông Vũ Văn Ph với vợ chồng bà Trần Thị H, ông Nguyễn Văn H1 có mối quan hệ quen biết H1ng xóm láng giềng với nhau. Do tin tưởng ngày 30-10-2009 (âm lịch) vợ chồng ông Ph, bà Lưu Thị O (đã chết năm 2015) có cho bà H vay số tiền 95.000.000đ (chín mươi lăm triệu đồng) và 25 chỉ vàng 24 K 9999, thời hạn trả nợ hai bên thỏa thuận đến tháng 12 năm 2009 bà H sẽ thanh toán trả hết nợ

cho vợ chồng ông Ph. Vợ chồng ông Ph giao tiền vàng cho một mình bà H nhận tại nH1 ông Ph không có ai làm chứng, không có mặt ông H1. Số vàng tiền nói trên giao nhận làm mấy lần, từng lần giao nhận đến nay ông Ph không nhớ vì thời gian đã lâu, bà H nói vay tiền, vàng về để làm vốn kinh doanh buôn bán muối cùng với bố để bà H, cho vay có thỏa thuận lãi bằng miệng khi giao nhận vàng, tiền hai bên không viết giấy biên nhận. Khi đến thời hạn trả nợ vợ chồng ông Ph có đến nH1 vợ chồng bà H, ông H1 đòi nợ nhưng vợ chồng bà H, ông H1 khất lần chưa có trả nợ. Ngày 15-5-2010 âm lịch, bà H đã tự nguyện viết giấy vay và khất nợ với nội dung bà H khất lại mỗi tháng trả 5.000.000 triệu đồng, thời hạn bắt đầu trả từ tháng 5/2010 âm lịch trở đi đến tháng 5/2011 vợ chồng bà H, ông H1 sẽ thanh toán trả cho vợ chồng ông Ph 11 chỉ vàng 24 K 9999, đến tháng 12/2011 vợ chồng bà H, ông H1 sẽ thanh toán trả cho vợ chồng ông Ph 14 chỉ vàng 24 K 9999 và số tiền 95.000.000đ, bà H hứa thanh toán theo đúng thỏa thuận, nếu sai vợ chồng bà H xin chịu hoàn toàn trước pháp luật, bà H đã ký vào giấy vay và khất nợ giao cho vợ chồng ông Ph giữ bản gốc. Trong thời gian vợ chồng bà H, ông H1 hứa trả nợ thì vợ ông Ph bị mắc bệnh ung thư đại tràng, ông Ph đã nhiều lần đến nH1 vợ chồng bà H, ông H1 đề đòi nợ lấy tiền chữa bệnh cho vợ nhưng vợ chồng bà H, ông H1 vẫn cố tình khất lần, dây dưa không có thiện chí trả nợ cho vợ chồng ông Ph. Hiện nay vợ chồng bà H và ông H1 còn nợ của ông Ph số tiền vay gốc là 95.000.000đ và 25 chỉ vàng 24 K 9999, thời gian gần đây ngày 16-05-2017 ông Ph đến nH1 vợ chồng bà H, ông H1 đòi nợ, bà H tuyên bố không trả còn ông H1 đuổi ông Ph ra khỏi nH1 và cầm điều cày đánh ông Ph và tuyên bố vợ chồng ông H1 không nợ gì ông Ph, buộc ông Ph phải làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết. Đến nay ông Ph vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết buộc vợ chồng bà H, ông H1 phải có trách nhiệm thanh toán trả nợ cho ông Ph số nợ gốc 95.000.000đ (chín mươi lăm triệu đồng chẵn) và 25 chỉ vàng 24 K 9999 còn khoản tiền lãi suất ông Ph cho ông H1, bà H không lấy nữa.

Bị đơn vợ chồng bà Trần Thị H và ông Nguyễn Văn H1 đã được Tòa án giao cho nhận Thông báo về việc thụ lý vụ án số 47/TB-TLVA ngày 07-11-2017 và bản sao đơn khởi kiện của ông Vũ Văn Ph, bản sao giấy vay và khất nợ; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 52/TB-TA ngày 11-12-2017. Hết thời hạn ghi trong thông báo nhưng vợ chồng bà H, ông H1 không có văn bản ghi ý kiến của mình để giao nộp cho Tòa án, bà H cũng không đến Tòa án tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tòa án đã nhiều lần triệu tập bà H đến làm việc và nhận các văn bản tố tụng nhưng bà H cố tình không đến nên Tòa án tiến hành giao các văn bản sau: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ; Quyết định hoãn phiên tòa cho ông H1 nhận thay bà

H theo đúng trình tự tố tụng. Vì vậy bà H đã biết được quyền và nghĩa vụ của mình khi tham gia tố tụng.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 17 tháng 01 năm 2018 ông Nguyễn Văn H1 trình bày: Ông H1 không biết gì về việc vay nợ giữa bà Trần Thị H và bà Lưu Thị O (đã chết) là vợ ông Ph, ông H1 không cùng bà H đi vay nợ của bà O, vì ông H1 thường xuyên đi làm ăn xa ở thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng từ năm 2006 đến năm 2016, bà H cũng không thông báo cho ông H1 biết về số nợ ông Ph khai trên, chỉ đến khi bà O đến nh1 gặp bà H đòi nợ khoảng năm 2010, bà O trình bày bà H có vay nợ của bà O một số tiền, thì ông H1 mới biết bà H có vay nợ của bà O, bà O và bà H cũng không nói cho ông H1 biết cụ thể số nợ là bao nhiêu, sau đó ông H1 đi làm ăn tiếp và có gửi tiền về và bảo bà H trả nợ cho bà O, việc vay nợ giữa hai bà với nhau chứ không có mặt ông H1 và ông Ph tham gia. Sau khi bà O chết được mấy năm ông H1 thấy ông Ph thuê người đến đòi nợ thì ông H1 mới vỡ nỡ ra, ông H1 có hỏi bà H về số nợ trước đây bà H vay nợ của bà O thì bà H trả lời là đã thanh toán trả hết nợ cho bà O rồi nhưng đến nay ông H1, bà H không có văn bản giấy tờ gì làm bằng chứng. Khi Tòa án giao cho ông H1 nhận bản sao giấy vay và khất nợ ông H1 có đưa về hỏi bà H, thì bà H khẳng định đó đúng là chữ viết và chữ ký của bà H. Nay ông Ph tìm thấy tờ giấy vay và khất nợ do bà H viết đã đi khởi kiện đòi nợ vợ chồng ông H1, bà H. Đến nay ý kiến của ông H1 là không nhất trí thanh toán trả nợ cho ông Ph số tiền và số vàng như ông Ph khởi kiện vì ông H1 không tham gia vay nợ nên không biết gì về số nợ này, thời gian vay nợ đã qua lâu được 6 đến 7 năm nay.

Tại phiên toà: ông Vũ Văn Ph và ông Nguyễn Văn H1 vẫn giữ nguyên ý kiến như đã trình bày. Bà Trần Thị H trình bày: Từ năm 2004 bà H đã vay tiền của bà O để lấy vốn làm ăn như cho người khác vay lại và đầu tư cho ông H1 làm ăn ở miền nam, bà H công nhận bà H có vay nợ của bà O (vợ ông Ph) số tiền 95.000.000đ (chín mươi lăm triệu đồng) và 25 chỉ vàng 24 K 9999, ngày 15 tháng 5 năm 2010 bà H khẳng định đã viết giấy vay và khất nợ có nội dung đúng như bản sao giấy vay và khất nợ mà Tòa án đã giao cho ông H1 nhận là hoàn toàn đúng sự thật nhưng tại phiên tòa hôm nay bà H trình bày đã thanh toán trả hết số nợ nói trên cho vợ chồng ông Ph, bà O nên bà không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ph, đến nay bà H không có chứng cứ gì để chứng minh về việc đã thanh toán trả nợ cho vợ chồng ông Ph, bà O.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Trần Thị H không đến Tòa án làm việc lần nào, không đến nhận các văn bản tố tụng, bà H và ông Nguyễn Văn H1 không có bản tự khai nộp cho Tòa án là không chấp H1nh quyết định của Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Vũ Văn Ph khởi kiện “Đòi lại tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự Điều 164; 166 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu.

[3] Về nội dung vụ án: Hợp đồng vay số tiền 95.000.000đ (chín mươi lăm triệu đồng) và 25 chỉ vàng 24 K 9999, giữa vợ chồng ông Vũ Văn Ph và bà Trần Thị H là có thật và phù hợp với pháp luật. Việc vay nợ giữa vợ chồng ông Ph và bà H được chứng minh bằng giấy vay và khất nợ do bà H viết ngày 15 tháng 5 năm 2010, đến nay vợ chồng bà H và ông H1 công nhận chữ viết và chữ ký trong giấy vay và khất nợ này là của bà H nhưng bà H và ông H1 lại cho rằng bà H đã thanh toán trả hết nợ cho bà O vợ ông Ph. Xét lời khai của bà H và ông H1 là không có căn cứ, bởi vì cho đến nay vợ chồng bà H, ông H1 không có chứng cứ gì để chứng minh về việc bà H đã thanh toán trả hết nợ cho bà O vợ ông Ph. Do đó lời khai của bà H và ông H1 là không có căn cứ. Hiện nay vợ chồng bà H, ông H1 còn nợ của ông Ph số tiền, vàng gốc là 95.000.000đ (chín mươi lăm triệu đồng) và 25 chỉ vàng 24 K 9999 chưa thanh toán. Trong giấy vay và khất nợ có ghi thời hạn bà H thanh toán trả hết nợ cho vợ chồng ông Ph vào tháng 12 năm 2011, đối chiếu với quy định của Điều 429 Bộ luật dân sự năm 2015 thì thấy ông Ph chỉ có quyền khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản trong ba năm từ tháng 01/2012 đến hết tháng 01 năm 2015. Đến ngày 02-6-2017 ông Ph mới làm đơn khởi kiện thì thời hiệu khởi kiện đã hết nên ông Ph chỉ có quyền kiện đòi lại số tiền, vàng gốc mà vợ chồng ông đã đưa cho bà H vay, đến nay ông Ph chỉ yêu cầu đòi lại số tiền, vàng gốc đã đưa cho bà H vay mà không yêu cầu tính lãi suất là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc nên về vấn đề lãi suất Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết. Mặc dù ông H1 không trực tiếp cùng bà H đến vay nợ của vợ chồng ông Ph nhưng từ năm 2010 ông H1 đã biết được bà H có vay nợ của vợ chồng ông Ph vì ông H1 có thấy bà O vợ ông Ph đến nH1 ông để đòi nợ, ông H1 đi làm ăn xa có gửi tiền về và bảo bà H trả nợ cho bà O sự việc này được chứng minh bằng lời khai của ông H1 tại biên bản hòa giải, tại phiên tòa hôm nay bà H trình bày bà có vay tiền của bà O và một số người khác để làm vốn kinh dO buôn bán như cho người khác vay lại và đầu tư cho ông H1 làm ăn ở miền nam, bà có nói cho ông H1 biết việc bà có đi vay nợ của mọi người. Vì vậy việc vay nợ của bà H với mục đích phát triển kinh tế gia đình. Từ những căn cứ nêu trên, đã có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ph, buộc vợ chồng bà H, ông H1 phải có trách nhiệm phải thanh toán trả lại cho ông Ph số tiền, vàng gốc là 95.000.000đ

(chín mươi lăm triệu đồng) và 25 chỉ vàng 24 K 9999 là phù hợp với Điều 164; 166; 385; 463; 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: Vợ chồng bà Trần Thị H, ông Nguyễn Văn H1 phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy cần phải hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí cho ông Vũ Văn Ph đã nộp là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 164; 166; 385; 463; 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Văn Ph kiện đòi lại tài sản đối với vợ chồng bà Trần Thị H, ông Nguyễn Văn H1 là hợp pháp.

2. Buộc vợ chồng bà Trần Thị H, ông Nguyễn Văn H1 phải có trách nhiệm thanh toán trả lại cho ông Vũ Văn Ph số tiền 95.000.000đ (chín mươi lăm triệu đồng) và 25 chỉ vàng 24 K 9999.

3. Án phí: - Vợ chồng bà Trần Thị H và ông Nguyễn Văn H1 phải nộp 9.265.000đ (chín triệu hai trăm sáu mươi lăm nghìn đồng).

- Ông Vũ Văn Ph được hoàn trả lại số tiền đã nộp tạm ứng án phí là 4.000.000đ (bốn triệu đồng) tại biên lai số 0002330 ngày 07-11-2017 của Chi cục thi H1nh án dân sự huyện Hải Hậu.

4. Về nghĩa vụ thi H1nh án:

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi H1nh án của người được thi H1nh án cho đến khi thi H1nh án xong, tất cả các khoản tiền, H1ng tháng bên phải thi H1nh án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi H1nh án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi H1nh theo quy định tại Điều 2 Luật Thi H1nh án dân sự thì người được thi H1nh án dân sự. Người phải thi H1nh án dân sự có quyền thỏa thuận thi H1nh án, quyền yêu cầu thi H1nh án, tự nguyện thi H1nh án hoặc bị cưỡng chế thi H1nh án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi H1nh

án dân sự; thời hiệu thi H1nh án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi H1nh án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi gửi :

- TAND tỉnh Nam Định: (1 bản);
- VKSND tỉnh+huyện: (2 bản);
- Chi cục THADS huyện: (1 bản);
- UBND thị trấn Cồn: (1 bản);
- Cấp cho đương sự: (3 bản);
- Lưu hồ sơ: (1 bản);
- Lưu văn phòng: (1 bản).

